TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NHƠN TRẠCH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 105/2022/QĐST-HNGĐ	*Nhơn Trạch, ngày 29 tháng 4 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƠN TRẠCH, TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ các Điều 212, 213, 361 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 71/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2022 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- *Người yêu cầu*: Ông **Trần Ngọc L**, sinh năm 1989
Địa chỉ thường trú: Ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang.
Địa chỉ tạm trú: Ấp 3, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai

- *Người yêu cầu*: Bà **Lê Thị Hồng C**, sinh năm 1988
Địa chỉ thường trú: 332/3D ấp A, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre.
Địa chỉ tạm trú: Ấp 3, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Ông Trần Ngọc L và bà Lê Thị Hồng C tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2017, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và được Ủy ban nhân dân xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre và cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 28, ngày 03/5/2017 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Trong thời kỳ hôn nhân, ông L và bà C có 01 con chung tên Trần Lê Duy K, sinh ngày 04/11/2017.

Quá trình chung sống, ông L và bà C bất đồng quan điểm nên thường xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau, hôn nhân không hạnh phúc nên từ đầu năm 2021 đến nay, ông bà sống ly thân nhau. Nay ông L và bà C thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Ngày 21 tháng 4 năm 2022, Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch đã tiến hành hòa giải đoàn tụ đối với ông Trần Ngọc L và bà Lê Thị Hồng C nhưng

không thành; Các đương sự thống nhất thuận tình ly hôn và đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ các vấn đề liên quan. Thỏa thuận của các đương sự ghi nhận tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 21 tháng 4 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Cụ thể như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Ngọc L và bà Lê Thị Hồng C thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông Trần Ngọc L và bà Lê Thị Hồng C tự nguyện thỏa thuận giao con chung tên Trần Lê Duy K, sinh ngày 04/11/2017 cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời bà C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Lê Thị Hồng C được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết, ông L, bà C có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự cam kết không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[5] Về lệ phí: Ông Trần Ngọc L và bà Lê Thị Hồng C mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí việc dân sự.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Ngọc L và bà Lê Thị Hồng C thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Ông Trần Ngọc L và bà Lê Thị Hồng C tự nguyện thỏa thuận giao con chung tên Trần Lê Duy K, sinh ngày 04/11/2017 cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời bà C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Lê Thị Hồng C được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết, ông L, bà C có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

1.3. Về tài sản chung: Các đương sự khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

1.4. Về nợ chung: Các đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Trần Ngọc L và bà Lê Thị Hồng C mỗi người phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí việc dân sự

sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí ông L, bà C mỗi người đã nộp là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) theo các biên lai thu số 0007625 và 0007624 cùng ngày 05/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch. Ông L và bà C đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân;
- UBND xã Mỹ Thạnh An,
Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre;
- Chi cục thi hành án dân sự;
- Lưu.

Phạm Vũ Ngọc Hiệp